TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3- NGHỆ AN **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/DS - ST
Ngày: 13- 3 - 2026
"V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Liên.

2. Và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3- Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3- Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2025/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2026 /QĐXX - ST ngày 02 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1990.(có mặt)

Trú tại: xóm T, xã A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: văn phòng L – Chi nhánh B.

Địa chỉ; số H L, phường V, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Luật sư Phạm Minh T- Chức danh: Trưởng chi nhánh Văn phòng L.

(có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: bà Hồ Thị H, sinh năm 1959. (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: khối D, xã D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2025 trong quá trình giải quyết vụ án, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: bà N có quan hệ làm ăn, quen biết với bà Hồ Thị H trú tại xã D, tỉnh Nghệ An do bà H kinh doanh Tiệm vàng bạc Kim H1 tại thị trấn D. Năm 2024, bà H1 hỏi vay tiền chị N để đầu tư kinh doanh, do tin tưởng bà H1 là người làm ăn lâu năm, lại có tiệm vàng lớn nên chị N đã đồng ý cho bà H1 vay số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng) vào ngày 13/01/2024. Sau đó chị N nhiều lần yêu cầu bà H1 trả tiền nhưng bà H1 khất

lần và đã thanh toán cho chị N số tiền như sau: Ngày 27/11/2024, bà H1 trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 10/07/2025, bà H1 trả số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng); Số tiền bà H1 còn nợ chị N là 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng). Hiện nay do thời gian vay mượn đã lâu, chị N đã nhiều lần yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền bà H1 còn nợ nhưng đến nay bà H1 đưa ra nhiều lý do chây ỳ, không chịu thanh toán tiền cho chị N. Vì vậy chị N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3- Nghệ An Buộc bà Hồ Thị H thanh toán trả cho chị N số tiền còn nợ là 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai của Tòa án bà Hồ Thị H trình bày:

Bà thống nhất có vay nợ và bà Hoàng Thị Hồng N như lời khai bà N. Cụ thể: Vào ngày 13/01/2024 bà H đã vay của chị N tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng). Việc vay mượn là hoàn toàn tự nguyện và có viết giấy vay nợ. Tuy trong giấy không có hẹn ngày trả nợ nhưng chị N đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ mà bà H chỉ trả được các lần như sau: Ngày 27/11/2024, bà H trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 10/07/2025, bà H trả số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng); Số tiền bà H còn nợ chị N là 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng). Vì vậy nay chị N yêu cầu bà H trả nợ thì bà H hoàn toàn đồng ý trả cho chị N tổng số tiền là 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 117, Điều 466; Điều 274; Điều 351, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hồ Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị Hồng N tổng số tiền: 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng N số tiền là 26.100.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự chị N đã nộp tại Phòng THADS khu vực 3- Nghệ An theo Biên lai thu tiền số 0002840 ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về "hợp đồng vay tài sản" và quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Hồ Thị H có địa chỉ cư trú tại xã D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- tỉnh Nghệ An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà H đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, vào ngày 13/01/2024, bà H có vay của bà Hoàng Thị Hồng N số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ, năm trăm triệu đồng). Việc vay tiền giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng dân sự. Các bên đều thừa nhận có việc vay nợ, có giấy vay tiền thể hiện nội dung thỏa thuận giữa hai bên, đây là chứng cứ hợp pháp chứng minh quan hệ vay tài sản đã phát sinh giữa bà Hoàng Thị Hồng N và bà Hồ Thị H.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi nhận tiền vay, bà H đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhiều lần cho bà N, cụ thể: Ngày 27/11/2024, bà H trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 10/07/2025, bà H trả số tiền 10.000.000 (mười triệu đồng); tổng cộng đã trả 160.000.000 đồng. Việc trả nợ từng phần này thể hiện bị đơn thừa nhận nghĩa vụ trả nợ và hợp đồng vay tài sản giữa các bên đang được thực hiện.

[5] Đối với nghĩa vụ còn lại: Sau các lần thanh toán nêu trên, bà H còn nợ chị N số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng). Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán khoản nợ còn lại nhưng bà H chỉ thực hiện được

một phần nghĩa vụ, không thanh toán dứt điểm khoản nợ, là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

[6] Tại các lời khai bà H thừa nhận còn nợ số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng) và đồng ý trả cho bà N số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng); đồng thời bà N không yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu thanh toán tiền gốc. Sự thừa nhận của bị đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền vay nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bên được thi hành án, trường hợp bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[8] Từ những phân tích trên thấy việc vay tiền giữa bà H và bà N là có thật, hợp pháp; bà H còn nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà N; yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 463, Điều 117, Điều 466; Điều 274; Điều 351, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không chịu án phí sơ thẩm. Bà H thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hồ Thị H.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 117, Điều 466; Điều 274; Điều 351, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Hồng N.

Buộc bà Hồ Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Hồng N 1.340.000.000 đồng (một tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Trả lại cho bà Hoàng Thị Hồng N số tiền là 26.100.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự chị N đã nộp tại Phòng THADS khu vực 3- Nghệ An theo Biên lai thu tiền số 0002840 ngày 18 tháng 11 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: bà Hoàng Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hồ Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- các đương sự, lưu hồ sơ.
- VKSND khu vực 3- Nghệ An;
- Phòng THADS khu vực 3- Nghệ An;
-TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Diễn Châu;

. đã ky

Võ Thị Kim Dung